

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1397 /GPMT-UBND

Bến Tre, ngày 21 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 07/CV-SCBTRE ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Văn bản số 15/CV-SCBTRE ngày 02 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Bến Tre về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và chỉnh sửa bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại Sense City Bến Tre và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2748/TTr-STNMT ngày 17 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Bến Tre tại địa chỉ số 26A, đường Trần Quốc Tuấn, Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại Sense City Bến Tre, địa chỉ tại số 26A, đường Trần Quốc Tuấn, Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại Sense City Bến Tre.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 26A, đường Trần Quốc Tuấn, Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp 1300419650, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 16 tháng 11 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 1300419650.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ mua sắm và giải trí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích sử dụng đất là 15.476,8 m².

- Nhu cầu sử dụng nguyên liệu:

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng (kg)
1	Nhóm thực phẩm tươi sống	01 đơn vị sản phẩm	54.257
2	Nhóm thực phẩm công nghệ đóng gói, đồ hộp	01 đơn vị sản phẩm	274.905
3	Nhóm hóa - mỹ phẩm	01 đơn vị sản phẩm	64.943
4	Nhóm đồ dùng gia dụng	01 đơn vị sản phẩm	18.851
5	Nhóm hàng may mặc	01 đơn vị sản phẩm	9.835

- Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

+ Dầu diesel phục vụ cho quá trình chạy máy phát điện dự phòng công suất 750 KVA là khoảng 75 kg/giờ.

+ Gas cho hoạt động nấu nướng bình quân 480 kg/tháng.

- Nhu cầu sử dụng hóa chất: Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày.đêm là Javen: 36 lít/tháng, PAC: 04 kg/tháng. Cơ sở không sử dụng hóa chất trong quá trình vệ sinh tấm pin điện mặt trời.

- Số lượng lao động: Tối đa 300 người.

- Hạng mục công trình đã xây dựng:

Khu nhà 1:

+ Tầng trệt (3.067 m²): Khu thực phẩm công nghệ, đồ dùng, hóa mỹ phẩm, thực phẩm tươi sống, các khu vực kho.

+ Tầng 1 (2.789 m²): Khu tự chọn, điện máy, cửa hàng thức ăn nhanh, khu

chế biến, khu vệ sinh, khu vực tự chọn đồ dùng, hàng thời trang, nhà sách, khu trò chơi trẻ em và các khu vực kho.

Khu nhà 2:

+ Tầng trệt (4.347 m²): Khu tự chọn, cửa hàng thức ăn nhanh, khu chế biến, khu vệ sinh, khu vực tự chọn đồ dùng, may mặc, mỹ phẩm, thực phẩm thủy hải sản, thực phẩm công nghệ, khu kỹ thuật và các khu vực kho.

+ Tầng 1 (557 m²): Tầng kỹ thuật: Khu vực đặt hệ thống kỹ thuật của máy lạnh, máy phát điện, trạm biến thế.

Khu vực xử lý nước thải, nhà xe 2 bánh, khu vực đậu xe 4 bánh, đường giao thông nội bộ và đất trồng cây xanh.

- Máy móc, thiết bị đã lắp đặt:

STT	Máy móc thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Hiện trạng	Năm sản xuất
1	Máy vi tính	Cái	45	Việt Nam	60%	2016, 2020
2	Máy Fax	cái	2	Việt Nam	60%	2020
3	Máy in	Cái	8	Việt Nam	40%	2015
4	Máy phát điện dự phòng công suất 750KVA	Cái	3	Trung Quốc	60%	2016
5	Hệ thống máy điều hòa không khí 125.000x 45BTU	Hệ thống	45	Việt Nam	40%	2015
6	Hệ thống máy lạnh giữ đông 3,5 x 6kW	Hệ thống	6	Việt Nam	40%	2015
7	Máy bơm nước (02 cái 3.5kW, 2 cái 2kW)	Cái	4	Việt Nam	70%	2020
8	Máy biến thế	Cái	1	Việt Nam	40%	2015
9	Xe nâng hàng	Cái	1	Việt Nam	40%	2015
10	Thang cuốn	Cái	1	Việt Nam	40%	2015
11	Hệ thống camera quan sát	Hệ thống	1	Việt Nam	40%	2015
12	Hệ thống tủ trữ đông, tủ mát	Hệ thống	1	Việt Nam	40%	2015
13	Hệ thống âm thanh	Hệ thống	1	Việt Nam	40%	2015
14	Hệ thống điện toán	Hệ thống	1	Việt Nam	40%	2015
15	Hệ thống máy móc xử lý nước thải	Hệ thống	1	Việt Nam	50%	2016

16	Hệ thống điện mặt trời					
	<i>Tấm quang điện</i>	<i>Tấm</i>	<i>2100</i>	<i>Trung Quốc</i>	<i>50%</i>	<i>2016</i>
	<i>Các String Inverter, Hệ thống cáp DC, AC.</i>	<i>Hệ thống</i>	<i>1</i>	Việt Nam	50%	2016
	<i>Hệ thống đấu nối phía hạ áp của Trạm biến áp 2000KVA-22/0.4.</i>	<i>Hệ thống</i>	<i>1</i>	Việt Nam	50%	2016
	<i>Trạm biến áp 2000 KVA - 22/0.4 kV.</i>	<i>Trạm</i>	<i>1</i>	<i>Nhật, Việt Nam</i>	<i>50%</i>	<i>2016</i>

- Công suất sản xuất: Phục vụ cho khoảng 1.200 khách, bao gồm mua sắm tự chọn và ăn uống.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Bến Tre

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Bến Tre có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thải nước thải, tiếng ồn, độ rung; thu gom, hợp đồng xử lý rác thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này, phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định

tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường về cơ quan quản lý nhà nước về bảo môi trường theo định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo*); thực hiện đóng phí bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ban hành Giấy phép này.

Kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

- Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm thương mại siêu thị Co.op Mart Bến Tre”.

- Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm thương mại siêu thị Co.op Mart Bến Tre”.

- Giấy xác nhận số 5158/GXN-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “Trung tâm thương mại siêu thị Co.op Mart Bến Tre”.

- Giấy phép số 1485/GP-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xả thải vào nguồn nước (gia hạn và điều chỉnh lần 02 - Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn - Bến Tre).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Trung tâm thương mại Sense City Bến Tre theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV TM Sài Gòn - Bến Tre;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Bến Tre;
- UBND Phường 4;
- Phòng: KT, TCĐT, TH;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Cảnh

Phụ lục I
NỘI DUNG GẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1397 /GPMT-UBND
ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

A. NỘI DUNG XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt 26,89 m³/ngày.đêm.
 - Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (khu ăn uống, khu sản xuất bánh mì, khu rửa xe, khu vực làm lạnh) 50 m³/ngày.đêm.
- Tổng lượng nước thải phát sinh: 76,89 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng - Nước thải đầu ra sau xử lý.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ ga trên đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Toạ độ (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi 3⁰) X=1132684; Y=568508.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày.đêm ~ 10 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm. Nước thải sau khi xử lý đạt chất lượng theo quy chuẩn được bơm theo đường ống PVC Ø 200mm dẫn chảy thẳng ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Trần Quốc Tuấn.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	30

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	6
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10
10	Coliform		3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

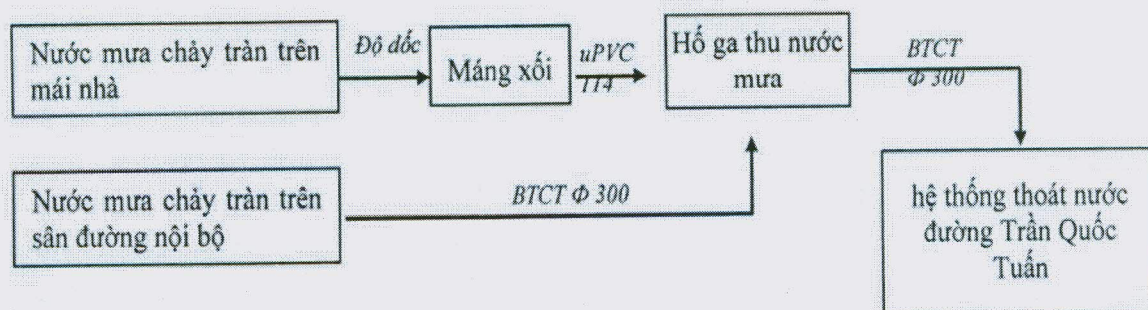
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn và nước từ mái nhà được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa riêng biệt của cơ sở, dẫn vào hố ga, thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Bến Tre.

Sơ đồ thu gom nước mưa tại cơ sở như sau:



Thuyết minh quy trình thu gom thoát nước mưa:

- Nước mưa được thu gom từ mái với đường kính 114 ống uPVC thoát ra mương, cống thoát nước mưa xung quanh công trình làm bằng BTCT 300 với 28 hố ga thoát nước, tổng chiều dài đường thoát nước mưa 433m và thoát ra hệ thống thoát nước mưa khu vực tại một điểm trên đường Trần Quốc Tuấn.

- Phương pháp xả: Tự chảy.

Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom và thoát nước mưa

STT	Tên chi tiết	Thông số kỹ thuật
1	Ống dẫn nước mưa trên mái nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho	Ống nhựa uPVC Φ114. Tổng chiều dài 120m
2	Máng xối thu nước mưa trên mái nhà	Kết cấu: tole màu.
3	Cống thoát nước mưa nội bộ	BTCT D300. Tổng chiều dài 433m

STT	Tên chi tiết	Thông số kỹ thuật
4	Hố ga lắng cặn	Kích thước: (1x1) m Số lượng: 28 cái Kết cấu: BTCT, tường gạch, nắp BTCT

b) Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Được chia làm 2 loại dựa vào nồng độ ô nhiễm như sau: Loại nhiễm bẩn cao xả ra từ nhà vệ sinh, loại nhiễm bẩn ít hơn xả ra từ các chậu rửa tay. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt đều được thu gom và dẫn về hố thu gom cuối rồi về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Tuy nhiên, đối với nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại rồi thu về hố thu gom cuối dẫn về hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày.đêm.

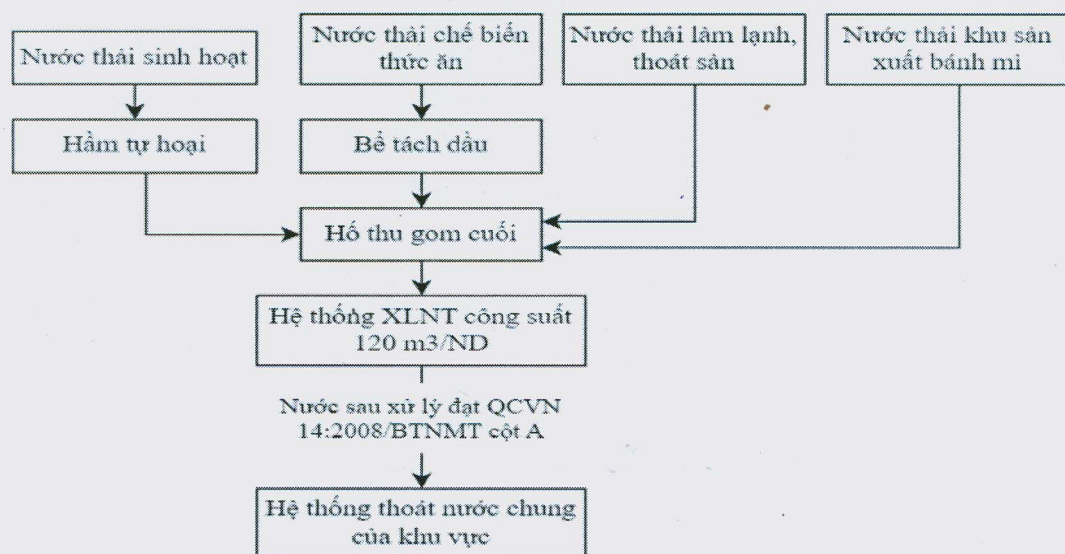
- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ các bếp chế biến: Được thu gom riêng qua hệ thống bẫy rác, gạn tách dầu mỡ, tách cát, thức ăn thừa trước khi đưa về hố thu gom cuối rồi về hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.

+ Nước thải từ khu vực sản xuất bánh mì: Lượng bột mì dư thải bỏ từ quá trình sản xuất bánh mì là rất ít, do cơ sở áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại giúp giảm thất thoát nguyên liệu đầu vào. Vì vậy, nước thải từ khu vực này sẽ được thu gom qua song chắn rác, hố ga tách cát dẫn về trước khi đưa vào hố thu gom cuối rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở. Lượng bột này sẽ lắng cặn tại hố ga cuối và được bơm hút định kỳ cùng với bùn từ hầm tự hoại và bùn hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải khác như nước từ thiết bị làm lạnh, thoát sàn,... được thu gom đưa vào hố ga tách cát sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải



Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom, thoát nước thải

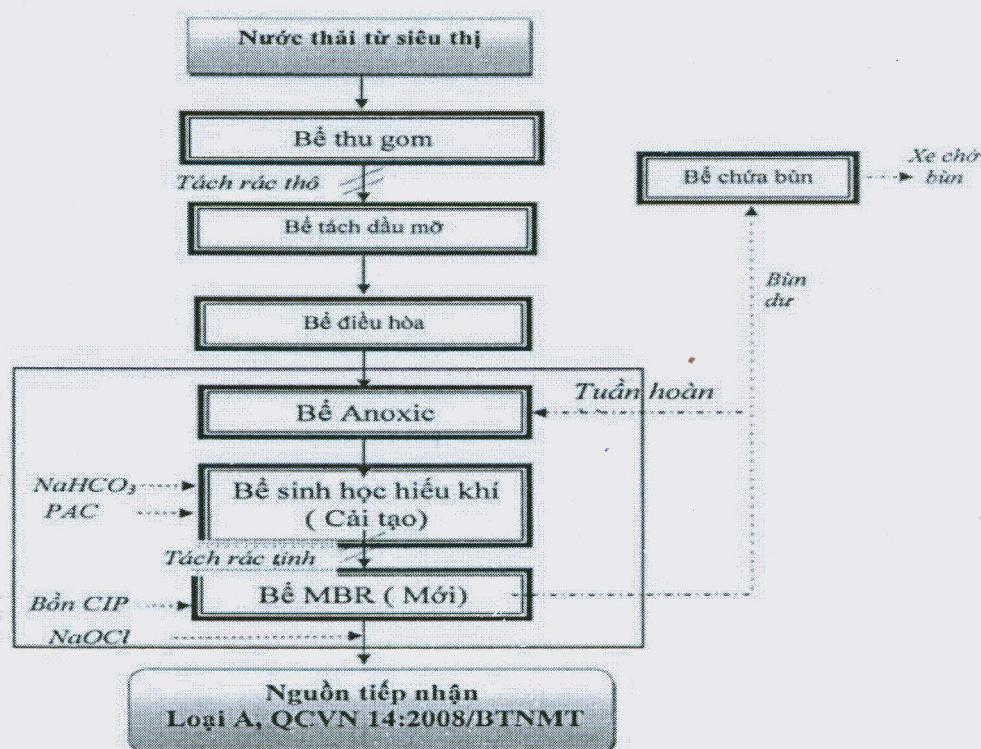
STT	Tên chi tiết	Thông số kỹ thuật
1	Bể tự hoại	Tổng thể tích: 24 m ³
2	Hệ thống xử lý nước thải	Số lượng: 01 cái Kích thước: 88,88 m ² Công suất 120 m ³ /ngày.đêm
3	Bể tách mỡ	Số lượng: 01 cái Kích thước: 4 m ³ Kết cấu: BTCT
4	Ống dẫn nước thải	Ống nhựa uPVC Ø168, Ø114, Ø90, Ø60, Ø42, Ø34, Ø200.
5	Hố ga trên tuyến (gồm hố ga tách cát)	Kích thước: 1mx1m Số lượng: 4 cái. Kết cấu: BTCT, tường gạch, nắp BTCT

c) Hệ thống xử lý nước thải

Cơ sở đã xây dựng và đi vào hoạt động ổn định hệ thống XLNT công suất 120 m³/ngày.đêm. Tổng diện tích xây dựng là 88,88 m². Được xây dựng âm 3m, riêng bể MBR nằm trên mặt đất, chiều cao 3,5m.

Công nghệ xử lý nước thải: Áp dụng công nghệ sinh học kết hợp các modul màng lọc MBR (AO+MBR).

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày.đêm



- Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh sau hầm tự hoại 3 ngăn của cơ sở được thu gom bằng hệ thống cống riêng về bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải.

Bể thu gom có nhiệm vụ thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở. Trong bể thu gom có bố trí giỏ lọc rác thô để loại bỏ các cặn lớn có khả năng gây ảnh hưởng đến bơm trong bể. Bể thu gom có bố trí 02 bơm nhúng chìm hoạt động để bơm nước thải qua bể tách mỡ.

Bể tách dầu mỡ có nhiệm vụ loại bỏ mỡ thừa phát sinh trong quá trình nấu ăn, sơ chế thực phẩm của siêu thị. Mỡ được tách bằng phương pháp trọng lực, mỡ bị đông rắn và nhẹ hơn nước nên nổi lên trên bề mặt bể và được hút bỏ định kỳ. Bể tách mỡ được thiết kế nhiều ngăn, nhằm nâng cao hiệu quả tách mỡ trong bể. Sau khi nước thải được tách mỡ, nước sẽ được dẫn vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

Bể điều hòa nước thải có nhiệm vụ điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải, tránh hiện tượng quá tải vào giờ cao điểm. Tại bể điều hòa có bố trí bơm nhúng chìm bơm nước thải qua bể sinh học thiếu khí (Bể Anoxic).

Bể anoxic thực hiện quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ và khử nitrate trong điều kiện thiếu khí. Quá trình sinh học diễn ra nhờ các vi sinh vật sử dụng nitrate, nitrite làm chất oxy hóa để sản xuất năng lượng. Trong bể thiếu khí, quá trình khử nitrate sẽ diễn ra theo phản ứng:



Phản ứng này sinh ra độ kiềm như sau: $\text{OH}^- + \text{CO}_2 = \text{HCO}_3^-$

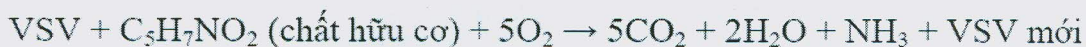
Hỗn hợp nước thải - bùn được các khuấy trộn chìm xáo trộn, di chuyển từ dưới lên và tự chảy vào bể sinh học hiếu khí để khử các hợp chất hữu cơ.

Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) là nơi diễn ra quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ và quá trình nitrat hoá trong điều kiện cấp khí nhân tạo.

Chúng loại, xuất xứ vi sinh vật được sử dụng trong bể sinh học là vi sinh thủy sản được cung cấp từ các cơ sở chế biến thủy sản trong khu vực tỉnh Bến Tre. Đảm bảo không có chủng vi sinh ngoại lai.

Quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ.

Trong bể sinh học các vi sinh vật (VSV) hiếu khí sử dụng oxy được cung cấp chuyển hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải một phần thành vi sinh vật mới, một phần thành khí CO_2 và NH_3 bằng phương trình phản ứng sau:



Quá trình nitrate hóa

Quá trình Nitrate hóa là quá trình oxy hóa các hợp chất chứa Nitơ, đầu tiên là Ammonia thành Nitrite sau đó oxy hóa Nitrite thành Nitrate. Quá trình Nitrate hóa ammonia diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter.

Bước 1: Ammonium được chuyển thành nitrite được thực hiện bởi Nitrosomonas:



Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loài Nitrobacter:



Quá trình nitrate hóa sinh ra các proton H^+ , làm giảm pH, ức chế sự hoạt động của các vi sinh vật. Do đó cần bổ sung độ kiềm dưới dạng NaHCO_3 .

PAC được châm để tăng khả năng xử lý photpho.

Các máy thổi khí, thông qua hệ thống đĩa thổi khí tinh cung cấp oxy (dưới dạng khí nén) để đảm bảo oxy hòa tan ($\text{DO} > 2 \text{ mg/l}$). Trong điều kiện đó vi sinh vật sinh trưởng và phát triển, giúp quá trình chuyển hóa xảy ra liên tục. Nước được bơm qua thiết bị lọc rác tinh có kích thước khe 2mm trước khi vào **bể MBR** nhằm để loại bỏ các cặn nhỏ tránh làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của màng.

Bể MBR là sự cải tiến của quy trình xử lý bùn hoạt tính, nhờ sử dụng màng mà các thể cặn được giữ lại bên trong bể MBR giúp cho nước sau xử lý có thể đưa ra nguồn tiếp nhận mà không cần bể lắng, và giảm thể tích bể chứa bùn.

Các module màng lọc **MBR**, kích thước lỗ lọc là $0.4 \mu\text{m}$. Tại đây diễn ra quá trình phân tách giữa nước sạch và hỗn hợp bùn hoạt tính, các chất rắn lơ lửng và vi khuẩn gây bệnh. Quá trình sử dụng màng lọc MBR trong bể giúp nồng độ bùn luôn được duy trì ở mức độ cao do vậy làm tăng hiệu quả xử lý chất ô nhiễm.

Định kỳ hàng tuần, màng được rửa ngâm hóa chất 01 lần bằng hóa chất NaOCl. Quá trình rửa như sau: Hóa chất NaOCl được pha loãng trong bồn CIP với nồng độ 300-500mg/l, bơm CIP sẽ bơm lượng hóa chất (lượng cấp: 2l/m^2 màng, trong 15-30 phút) này vào màng và ngâm trong 90 phút. Sau thời gian ngâm này, hệ thống hoạt động lại bình thường.

Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả cột A, QCVN 14:2008/BTNMT được bơm hút bơm vào nguồn tiếp nhận (cống thoát nước thành phố Bến Tre trên đường Trần Quốc Tuấn).

Thống kê các bể trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Thể tích (m ³)
1	Bể thu gom	1	5,4
2	Bể tách mỡ	1	25
3	Bể điều hòa	1	72
4	Bể Anoxic	1	30
5	Bể sinh học hiếu khí	1	64
6	Bể MBR	1	13,5
7	Bể chứa bùn	1	12

Thống kê kích thước hạng mục máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải

ST T	Công trình đơn vị	Tên thiết bị	Số lượng (cái/hệ)
1	Bể thu gom	Bơm chìm nước thải	02
2	Bể Điều hòa	Bơm chìm nước thải, hệ thống phân phối khí, đĩa thổi khí	02
3	Bể Anoxic	Máy khuấy chìm	02
4	Bể Aerotank	Máy thổi khí (<i>dùng chung</i>), hệ thống phân phối khí, đĩa thổi khí	04
5	Bể MBR	Giá thể	10 m ³

- Hóa chất sử dụng: Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày đêm là Javen: 36 lít/tháng, PAC: 10 kg/tháng, NaHCO₃ 300 kg/tháng.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn lao động

- Ban hành nội quy an toàn lao động, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đồng thời cử cán bộ phụ trách về công tác này nhằm mục đích theo dõi kiểm tra việc thực hiện và hướng dẫn công nhân sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động.

- Không để công nhân làm việc nếu họ không sử dụng trang bị bảo hộ đã cấp phát hoặc dùng các dụng cụ, thiết bị không đảm bảo an toàn.

- Trang bị các dụng cụ y khoa sơ cấp cứu khi có xảy ra tai nạn.

- Bảo dưỡng các thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ như hệ thống thang máy, băng tải, xe nâng, để thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, giảm thiểu

sự cố, tai nạn do các phương tiện này gây ra.

- Theo dõi tình hình sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân, mỗi năm 1 lần.

b) Phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy đã được xây dựng, lắp đặt hoàn chỉnh các thiết bị hệ thống PCCC và đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

- Cơ sở đã trang bị đầy đủ số lượng phương tiện PCCC như hệ thống báo cháy, đầu báo cháy, bình chữa cháy, họng chữa cháy, đèn sự cố, hệ thống bể chứa nước chữa cháy và máy bơm chữa cháy, biển báo và nội quy phòng cháy chữa cháy.

c) Phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan hóa chất

- Hệ thống kho lưu chứa nguyên liệu và sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra lại quần áo và các thiết bị an toàn. Cấm hút thuốc và sử dụng lửa trần trong phạm vi nhà kho; có bản chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu cấm lửa để ở nơi dễ nhận thấy.

- Khi sự cố rò rỉ xảy ra, phải nhanh chóng tìm cách xác định nguyên nhân và vị trí rò rỉ, cho ngừng hoạt động ngay công đoạn có liên quan đến rò rỉ. Báo cáo với các đơn vị có chức năng liên quan để tìm cách khắc phục sự cố.

- Công ty cam kết thực hiện công tác phòng chống rò rỉ, tràn đổ hóa chất và phòng ngừa sự cố hóa chất tuân thủ đúng thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

d) Phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: bơm nước thải, máy thổi khí, bơm bùn, các phụ tùng khác,...

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.



- Trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể gom và bể điều hòa đồng thời giảm các hoạt động có phát sinh nước thải.

- Nếu có xảy ra sự cố nước thải bị rò rỉ hoặc tràn ra ngoài thì trong quá trình thi công, sửa chữa hệ thống xử lý cần phải xây dựng các rãnh hoặc mương để thu gom lượng nước rò rỉ này vào một hồ thu, sau đó bơm ngược lại bể chứa nước thải để xử lý.

- Nếu trường hợp cả hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở gặp sự cố và không có khả năng xử lý nước thải phát sinh thì chủ cơ sở sẽ hạn chế sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa việc phát sinh nước thải và bơm nước thải qua các bể trong cụm và khắc phục sự cố trong khoảng thời gian ngắn nhất (trong vòng 24h). Nếu sau thời gian này mà chưa khắc phục xong, các bể không còn lưu chứa được thì cơ sở sẽ bố trí thêm các túi nhựa, bồn nhựa để lưu chứa và lên kế hoạch thuê đơn vị đủ chức năng xử lý nước thải để hợp đồng xử lý cho đến khi khắc phục xong sự cố. Đảm bảo không xảy ra hiện tượng rò rỉ, tràn đổ nước thải chưa xử lý ra môi trường bên ngoài.

đ) Phòng ngừa ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm

- Nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.

- Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt quy chuẩn quy định.

- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ lao động thương binh xã hội - Quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, và Luận An Toàn Thực Phẩm số 55/2010/QH12.

- Khi có sự cố ngộ độc xảy ra đối với hàng loạt công nhân, liên hệ đưa công nhân đến trung tâm y tế gần nhất để cấp cứu và xác định nguyên nhân.

e) Giảm thiểu điện từ trường

- Dòng điện sinh ra từ các tấm pin là điện 1 chiều nên không phát sinh điện từ trường; điện từ trường chỉ phát sinh tại khu vực trạm biến áp. Trạm biến áp được

bố trí biệt lập cách xa nơi công nhân làm việc và nhà dân nên đảm bảo an toàn theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Định kỳ tiến hành đo đặc điện trường tại khu vực dự án để đánh giá và có biện pháp xử lý khi phát hiện vượt ngưỡng cho phép.

- Cơ sở bố trí các biển cảnh báo để người dân tránh xa khu vực, đảm bảo khoảng cách an toàn về điện từ trường theo quy chuẩn hiện hành.

g) Phòng ngừa ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh truyền nhiễm

- Thường xuyên phổ biến tuyên truyền phòng tránh các bệnh lây lan qua đường truyền nhiễm cho nhân viên và khách hàng tại cơ sở.

- Tổ chức khám sức khỏe định kì nhân viên cơ sở, nhằm phát hiện kịp thời nguy cơ dịch bệnh trong cán bộ, nhân viên.

- Thường xuyên vệ sinh sàn nhà, nhà vệ sinh, trang thiết bị, hệ thống thông gió, hệ thống làm lạnh để đảm bảo thông thoát trong khuôn viên cơ sở.

- Kiểm tra đảm bảo chất lượng về an toàn thực phẩm, vệ sinh trong quá trình chế biến đối với những sản phẩm đông lạnh, sản phẩm tươi sống cũng như các cửa hàng thức ăn nhanh, sản xuất bánh mì.

- Không chế tốt môi trường bên trong cơ sở đảm bảo điều kiện môi trường tốt cho nhân viên, khách hàng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 5158/GXN-UBND ngày 05/10/2020 đối với hệ thống xử lý nước thải nên không vận hành thử nghiệm lại hệ thống xử lý nước thải.

3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ.

Tuy nhiên, để kiểm soát hiệu quả của công trình xử lý nước thải và bảo vệ nguồn tiếp nhận không bị ô nhiễm thì Chủ Cơ sở đề xuất thực hiện giám sát như sau:

3.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại hồ tiếp nhận nước thải sau xử lý.

- Thông số giám sát: pH, BOD5, TSS, Nitrat, Amoni, Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Ngoài ra, chủ cơ sở sẽ lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và giám sát lưu lượng nước thải theo sổ nhật ký vận hành để theo dõi - ghi chép lưu lượng nước thải ra hằng ngày, đảm bảo lưu lượng nước thải đầu ra không vượt quá lưu lượng xả nước thải đã đăng ký.

3.2. Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt và chất thải thông thường.

+ 01 điểm tại khu lưu trữ chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hợp đồng thực hiện vận chuyển và xử lý, chứng từ giao nhận chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày hoặc định kỳ theo quy định.

- Tiêu chuẩn giám sát: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và theo quy định hiện hành.

- Công ty cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động nước thải.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

5.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

5.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Phân công nhân viên vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành, có sổ nhật ký vận hành./.

Phụ lục II
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1397 /GPMT-UBND
ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng 1.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng 2.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng 3.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

TT	Vị trí	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi 3°)	
		X	Y
1	Máy phát điện dự phòng 1	1132689,95	568505,46
2	Máy phát điện dự phòng 2	1132701,31	568494,16
3	Máy phát điện dự phòng 3	1132612,90	568488,39

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Vị trí	Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Khu vực xung quanh cơ sở	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
Khu vực xung	70	60	-	Khu vực thông

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
quanh cơ sở				thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối các thiết bị công suất lớn.
- Xây móng bê tông vững chắc cho các máy, thiết bị có độ rung lớn.
- Những bộ phận gây ồn cao phải được cách ly với khu vực khác trong cơ sở.
- Bố trí máy móc dây chuyền một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mài mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ bôi trơn các máy và thay thế thiết bị mài mòn.
- Quy định rõ thời gian hoạt động của cơ sở là sáng từ 7h30 đến tối 9h30. Vì vậy, tiếng ồn từ hoạt động ra vào, đi lại, nói chuyện của khách hàng hoặc công nhân viên, máy móc thiết bị đảm bảo tiếng ồn giảm xuống ≤ 55 dBA và độ rung giảm xuống ≤ 60 dB vào ban đêm.
- Bố trí hệ thống cây xanh được trồng bao quanh khuôn viên cơ sở.
- Đối với hệ thống điện năng lượng mặt trời thì tiếng ồn, rung chủ yếu chỉ phát sinh từ khu vực Nhà trạm inverter với độ ồn được nhà sản xuất cam kết là < 65 dBA. Nên chỉ ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp tại vị trí máy. Chủ cơ sở cũng áp dụng các biện pháp giảm thiểu như: Kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì; Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn; trang bị bảo hộ lao động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1397 /GPMT-UBND
ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã số quản lý CTNH
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	2	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	500	16 01 06
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	20	19 02 06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	10	17 02 03
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
Tổng cộng			582	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

a) Chất thải phát sinh từ quá trình kinh doanh dịch vụ

- Khoảng 50 kg/ngày, bao gồm: các loại bao bì, sản phẩm lỗi, hết hạn, thùng giấy carton,... thải bỏ trong quá trình bố trí sản phẩm lên các kệ hàng trưng bày: Phân loại bán phế liệu và được trả lại nhà cung cấp (sản phẩm lỗi, hết hạn).

- Khoảng 100 kg/ngày: palet nhựa, thùng xốp,... trả lại nhà cung cấp.

- Khoảng 200 kg/ngày, bao gồm: rác thải quá trình sơ chế biến thực phẩm như rau, củ, quả hư, vỏ trái cây, vụn thịt cá trong quá trình chế biến thức ăn, vụn bánh mì,... dầu mỡ từ bể tách dầu.

b) *Chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động hệ thống điện năng lượng mặt trời*

- Các thiết bị, phụ kiện đường dây, hỗ trợ điều khiển (dây điện cháy, đầu co, thanh domino, tủ điện, công tắc, cầu chì): Khoảng 10 kg/năm.

- Giẻ lau dính bụi (giẻ lau dùng vệ sinh bề mặt các tấm pin) không nhiễm thành phần nguy hại: Khoảng 20 kg/năm.

c) *Bùn thải thông thường*: Tổng lượng bùn thải không nguy hại phát sinh tại cơ sở là khoảng 60 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 700 kg/ngày. Thành phần chủ yếu của chất thải rắn sinh hoạt là các loại bao bì giấy, vỏ đồ hộp,... được thu gom bằng các thùng chứa có nắp đậy và được đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý quy định.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Bố trí kho chứa diện tích 03 m², nền bê tông, có gờ cao 0,1m chống tràn; tường kho xây gạch, mái tole đảm bảo độ cao thông thoáng, che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực kho chứa; bên trong kho chứa được phân khu chức năng cho từng nhóm chất thải để tránh phản ứng hóa học xảy ra giữa các nhóm chất thải với nhau; dán mã số phân loại cho từng loại chất thải nguy hại; bên ngoài kho đặt biển cảnh báo, ghi rõ hàng hóa chứa bên trong và hạn chế người ra vào.

- Đối với các tấm pin hỏng thải loại trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, bị vỡ hoặc do sự cố ngoài ý muốn:

- + Nếu quá trình phân định nêu trên xác định không phải là CTNH thì sẽ được thực hiện quản lý giống như chất thải thông thường, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

- + Nếu quá trình phân định nêu trên xác định là loại CTNH sẽ được chủ cơ sở kết hợp cùng nhà thầu thông báo cho đơn vị cung ứng đến thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Đối với các tấm pin phát sinh khi thay thế đồng loạt sau khi hết thời hạn sử dụng (sau 25 năm):

- + Lên kế hoạch tháo dỡ, thay thế pin mới vào mùa khô, không thực hiện vào mùa mưa để phòng nguy cơ mất an toàn khi thi công và cũng thuận tiện trong công tác tập kết tạm thời các tấm pin cũ ngoài trời trong thời gian chờ chuyển giao lại cho nhà cung cấp.

- + Khi có kế hoạch thay thế toàn bộ các tấm pin đã sắp hết tuổi thọ, chủ cơ sở

sẽ phối hợp với nhà cung cấp để chuyển giao theo quy định trong hợp đồng mua bán tấm quang điện năng lượng mặt trời giữa chủ cơ sở với nhà cung cấp hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Kế hoạch quản lý các loại chất thải đặc thù phát sinh từ dự án điện mặt trời khi tháo dỡ, hoàn trả mặt bằng, thu dọn dự án điện mặt trời sau khi kết thúc dự án điện mặt trời theo các quy định, quy chuẩn về an toàn công trình.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) *Chất thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất*: Bố trí kho chứa với diện tích là 15 m² có kết cấu nền xi măng, vách tường gạch, mái tole.

b) *Bùn thải*: Căn cứ vào số thứ tự 12, mục C, mẫu số 01, Phụ lục số III, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi Trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Bùn thải được phát sinh tại TTTM từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có mã chất thải là 12 06 13 là chất thải thông thường. Được lưu chứa tại bể chứa bùn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại các khu vực phát sinh rác sinh hoạt như phòng vệ sinh, khu dịch vụ, văn phòng, các góc sân bãi đều được trang bị thùng chứa rác như sau: 03 thùng chim cánh cụt loại 12 lít, 20 thùng loại 240 lít, 14 thùng inox loại 20 lít, 10 thùng nhựa các loại 120 lít có nắp đậy.

- Rác sinh hoạt từ những vị trí phát sinh được nhân vệ sinh thu gom và chứa trong thùng rác 240lít có nắp đậy hợp vệ sinh, lưu trữ tạm thời tại khu vực chứa rác.

- Bố trí khu tập kết rác sinh hoạt với tổng diện tích khoảng 15m². Kết cấu nền BTCT, mái tole, sắp xếp rác sinh hoạt đúng chủng loại theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống công trình xử lý nước thải; vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn của đơn vị chuyên giao công nghệ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP/.